

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 357/NN-QLN-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Về việc ban hành quy định tạm thời về việc thực hiện chế độ cấp phép
thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước ngầm và đăng ký công trình khai thác
nước ngầm

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm
vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định 354/TTg ngày 28/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục quản lý nước và công
trình thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Chỉ thị số 487/TTg ngày 30/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường
quản lý Nhà nước đối với tài nguyên đất nước;

Căn cứ văn bản chỉ đạo số 5073/KTN ngày 18/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về
việc bàn giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước nước dưới đất từ Bộ Công nghiệp sang Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ biên bản bàn giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước về nước dưới đất, ngày
30/10/1996 giữa Bộ Công nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ văn bản chỉ đạo số 487/KTN ngày 29/01/1997 của Thủ tướng Chính phủ về
việc ban hành quy định tạm thời việc cấp phép thăm dò, khai thác hành nghề khoan
nước ngầm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý nước và công trình thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định tạm thời về việc thực hiện chế độ cấp phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước ngầm và đăng ký công trình khai thác nước ngầm" để thống nhất áp dụng trong cả nước.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng cục quản lý nước và Công trình thủy lợi; các tổ chức, cá nhân thăm dò và khai thác và hành nghề khoan nước ngầm có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây về thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác nước ngầm trái với Quy định được ban hành kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ./.

QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC,

HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC NGẦM VÀ ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC NGẦM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357 ngày 13 tháng 3 năm 1997
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Điều 1. Quy định chung

Trong quy định này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Nước ngầm (nước dưới đất) là nước thiên nhiên tồn tại và lưu thông trong lòng đất và có thể lộ ra trên mặt đất.

Nước khoáng là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

Nước nóng thiên nhiên là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, luôn luôn có nhiệt độ theo quy định tiêu chuẩn của Việt Nam, hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt nam cho phép áp dụng.

Khu vực khai thác là khu vực được bố trí các công trình khai thác nước ngầm, bao gồm cả phạm vi mà mực nước ngầm bị hạ thấp do bơm hút nước từ công trình khai thác gây ra.

Công trình khai thác nước ngầm là các giếng khoan, giếng đào, hang động hoặc hành lang khai thác nước, điểm lộ được xây dựng hoặc sử dụng để khai thác nước ngầm.

Hộ khai thác nước ngầm là tổ chức hoặc cá nhân được làm chủ giáp phép khai thác nước hợp pháp.

Hộ thi công là doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân được Nhà nước cho phép thi công công trình khai thác nước ngầm.

Quy định này chỉ áp dụng cho nước ngầm là loại nước nhạt, nước lợ (không áp dụng cho nước khoáng và nước nóng thiên nhiên).

Điều 2. Khai thác nước ngầm không phải xin phép

Khai thác nước lưu lượng nhỏ bằng sức người do mục đích ăn uống sinh hoạt gia đình từ các giếng đào, giếng khoan có chiều sâu nhỏ hơn 30 m và đường kính nhỏ hơn 90 mm.

Trong trường hợp kích thước giếng vượt quá giới hạn cho phép dưới đây thì phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã, phường:

Giếng đào có đường kính lớn hơn 2 m, hoặc chiều sâu cột nước trong giếng mùa kiệt lớn hơn 5 m;

Giếng khoan có đường kính giếng lớn hơn 50mm, hoặc chiều sâu cột nước trong giếng lớn hơn 20m.

Điều 3. Khai thác nước ngầm cho mọi mục đích, trong mọi trường hợp, trừ quy định ở Điều 2, đều phải xin phép.

Điều 4. Việc cho phép khai thác nước ngầm phải tuân theo các nguyên tắc dưới đây:

4.1. Nước ngầm có chất lượng tốt được ưu tiên cho ăn uống sinh hoạt, nếu còn thừa mới được sử dụng cho các mục đích khác.

4.2. Lượng nước ngầm được phép khai thác trong một vùng không được vượt quá trữ lượng có thể khai thác được của vùng, đồng thời phải phù hợp với kế hoạch khai

thác hàng năm và kế hoạch khai thác của vùng.

4.3. Ở vùng khai thác nước ngầm đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác được thì phải quản lý chặt chẽ hơn việc khai thác, không được mở rộng việc khai thác nước. Nghiêm cấm việc khai thác nước ngầm ở vùng đã khai thác vượt quá mức quy định mà chưa được bổ sung nhân tạo.

4.4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khoanh định các vùng khai thác nước ngầm vượt mức và khu vực cấm khai thác nước ngầm nếu chưa được bổ sung nhân tạo để trình Chính phủ phê duyệt.

4.5. Khi cấp giấy phép thăm dò và khai thác nước ngầm phải dựa trên kết quả đánh giá các đề án thăm dò và báo cáo trữ lượng của các đơn vị chuyên môn hoặc của Hội đồng chuyên môn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ có quy định cụ thể về vấn đề này).

Điều 5. Thăm quyền cấp phép:

5.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm cấp phép và tổ chức thực hiện quản lý, theo dõi việc cấp phép ở các địa phương về thăm dò, khai thác nước ngầm và hành nghề khoan khai thác nước ngầm trong phạm vi cả nước.

5.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, cấp và thu hồi giấy phép khai thác nước ngầm đối với các công trình khai thác nước tập trung với lưu lượng bằng và lớn hơn 1000 m³/ngày.

5.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) điều chỉnh, cấp và thu hồi giấy phép đối với các công trình thăm dò, khai thác nước ngầm đơn lẻ quy mô nhỏ, lưu lượng khai thác nhỏ hơn 1000m³/ngày.

(Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quy định cụ thể trong việc phân cấp quản lý đối với Cục quản lý nước và Công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan có chức năng về công việc này).

5.4. Trong các vùng trọng điểm, việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác nước ngầm phải quản lý chặt chẽ hơn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ thỏa thuận với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có các khu vực nêu trên để quy định cụ thể cấp lưu lượng dùng trong việc phân cấp cấp phép ở các vùng này.

Điều 6. Mọi công trình khai thác nước ngầm đều phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép (điểm 5.2 và 5.3 của Điều 5).

Điều 7. Khai thác nước ngầm từ các hố khoan, giếng đào hoặc các dạng công trình khai thác thay thế các hố khoan, giếng đào hoặc các công trình khai thác đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác có lưu lượng hút và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép, nằm trong khu vực bãi giếng đã được xác định trong giấy phép thì không phải xin phép, nhưng phải có hồ sơ gửi đến cơ quan cấp giấy phép.

Điều 8. Các công trình khai thác nước mới, hoặc mở rộng nhất thiết phải trình cơ quan cấp phép để xin giấy phép khai thác nước. Hộ khai thác phải trình dự kiến xin phép khai thác nước trước khi lập Dự án khả thi.

Điều 9. Hồ sơ xin phép thăm dò, khai thác nước ngầm gồm:

a. Đơn xin phép thăm dò nước ngầm (nếu vùng chưa có tài liệu thăm dò):

Đơn xin thăm dò;

Đề án thăm dò đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt;

Công văn của Ủy ban nhân dân địa phương thoả thuận, cho phép sử dụng đất để thăm dò, hoặc bản sao quyền sử dụng đất tại nơi thăm dò;

Các văn bản pháp luật liên quan khác.

b. Đơn xin phép khai thác nước ngầm: (Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Quy định này).

Đơn xin phép khai thác nước ngầm;

Dự án khai thác nước ngầm;

Bản đồ khu vực và vị trí giếng khai thác nước.

Các tài liệu kèm theo gồm:

Kết quả đánh giá chất lượng nước ngầm của sở Y tế hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền hoặc các phòng thí nghiệm được các cơ quan có thẩm quyền cho phép đánh giá;

Báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng nước ngầm;

Bản sao quyền sử dụng đất tại nơi đặt giếng khai thác (nếu như nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của hộ khai thác thì phải có văn bản thoả thuận